

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH HÀ  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2020

“V/v: Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hữu và ông Trương Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trang Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Việt, Kiểm sát viên.

Vào lúc 15 giờ, 30 phút, ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2020/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn, giải quyết nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2020.

*Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị S, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình B, sinh năm: 1988; Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh ĐắcLắc. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bày:*

**- Về hôn nhân:** Chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Đình B kết hôn vào ngày 16 tháng 9 năm 2010, tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Đ, huyện H). Quá trình kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm

nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ năm 2013. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh B không tu chí làm ăn, sa vào các tệ nạn rượu chè, ma túy về nhà vô cớ gây sự đánh đập vợ con làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện tại, anh Nguyễn Đình B đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 11/01/2011. Hiện nay, cháu Trang đang sống với chị S. Nếu vợ chồng ly hôn chị S đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân cháu Nguyễn Thị Kiều T cũng có nguyện vọng được ở với chị S.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*\* Theo các bản khai anh Nguyễn Đình B trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Anh B thống nhất như lời trình bày của chị S về quá trình tìm hiểu, kết hôn và quá trình phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, chị S đi nước ngoài làm ăn làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; vợ chồng đã sống ly thân được 07 năm. Hiện tại anh B cũng không còn tình cảm với chị S và đồng ý ly hôn. Do điều kiện bản thân hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Cơ sở điều trị cai nghiện tỉnh Đắk Lắk nên anh B có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

- *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 11/01/2011. Anh B đồng ý giao con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*\* Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 35, 39, 48, 49, 51, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng

quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS; **cung cấp đầy đủ kịp thời các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.**

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án xử:

+ Về hôn nhân: Xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Đình B;

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 11/01/2011 cho chị Hoàng Thị S được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh Nguyễn Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở;

+ Về tài sản chung: **Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên miễn xét;**

+ Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung; Bị đơn anh Nguyễn Đình B có nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã Đ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính: Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk nên việc Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã có bản tự khai trình bày rõ các nội dung liên quan đến vụ án và đơn xin giải quyết vắng mặt nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Đình B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm B điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hiện tại, cả hai vợ chồng đều thừa nhận mâu thuẫn phát sinh đã lâu và đã sống ly thân được 7 năm, hai người không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới.

HĐXX xét thấy, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh B đã đến mức trầm trọng, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không đảm B được mục đích hôn nhân, nên đủ căn cứ giải quyết cho chị S và anh B được ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 11/01/2011. Quá trình giải quyết vụ án hai đương sự đều thống nhất giao con chung cho chị Hoàng Thị S được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Anh Nguyễn Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Bản thân cháu Nguyễn Thị Kiều T cũng có nguyện vọng được ở với chị S. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, đảm B điều kiện tốt nhất cho cháu Trang và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Hai đương sự thống nhất không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị S là người khởi kiện nên phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Đình B.

2. *Về quan hệ nuôi con chung*: Giao con chung cháu là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 11/01/2011 cho chị Hoàng Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh Nguyễn Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0003538, ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Hoàng Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đình B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã Đ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh  
(để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Nhân**

